TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 43/2018/QĐST-HNGĐ	*Bến Cát, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm: 1987; địa chỉ: Số 395 A, tổ 15, ấp Đ, xã X, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm: 1985; địa chỉ: Số 395 A, tổ 15, ấp K, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Ngọc T và bà Trần Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Phạm Ngọc T và bà Trần Thị B đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Phạm Ngọc T đồng ý giao cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 10/11/2012 cho bà Trần Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Ngọc T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Q 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Ngọc T được quyền đi lại , thăm nom chăm sóc con chung . Không ai được quyền cản trở ông Phạm Ngọc T thực hiện quyền này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của cháu Q một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và bà Trần Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Ngọc T chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng ông T còn phải thanh toán cho bà B số tiền lãi bằng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Ông Phạm Ngọc T và bà Trần Thị B mỗi bên đồng ý chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T đồng ý nộp thay bà B và ông T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0017451 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Ông Phạm Ngọc T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã B, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Đậu Thị Thảo